

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Quang H, sinh ngày 20/5/1973; địa chỉ: Xóm 4, xã QS, Huyện ĐL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị H1, sinh ngày 06/5/1975; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4, xã QS, Huyện ĐL, tỉnh Nghệ An; hiện đang sinh sống tại nước Malaixia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn anh Lê Quang H trình bày: Anh và chị Lê Thị H1 kết hôn vào ngày 08/12/1993, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã QS, Huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010, chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Malaixia. Từ năm 2013, anh H không liên lạc với chị H1 được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Lê Quang H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Quang D, sinh ngày 06/9/1995 và Lê Quang M, sinh ngày 16/8/1997; cả hai con đều đã có gia đình riêng và hộ khẩu riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị H1: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là chị Lê Thị H1 vắng mặt. Anh Lê Quang H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay chị H1 cư trú, anh chỉ biết chị H1 đang ở Malaixia. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho chị H1 thông qua ông Lê Văn M1 (là bố đẻ của chị H1), tiến hành xác M1, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Lê Văn M1 cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Lê Văn M1 cho biết chị H1 đang sống tại Malaixia; chị H1 thỉnh thoảng liên lạc với ông M1 nhưng không cho ông biết địa chỉ cụ thể của chị ở Malaixia. Chị H1 đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa anh H với chị. Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của chị H1 liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn anh Lê Quang H và bị đơn chị Lê Thị H1, cả hai cùng có địa chỉ cư trú tại xóm 4 (trước đây là xóm 6), xã QS, Huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Chị H1 hiện nay đang sinh sống ở nước Malaixia nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị H1 vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác M1 tại ông Lê Văn M1 (là bố đẻ của chị H1), địa chỉ: xóm 2, xã QS, Huyện ĐL, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho chị H1 biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị H1. Tuy nhiên, ông Lê Văn M1 cho biết chị H1 đang sinh sống, làm việc tại Malaixia. Ông không cung cấp được địa chỉ hiện nay của chị H1 do chị H1 không cho ông biết; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của chị H1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của chị H1 trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quang H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang H và chị Lê Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/1993 tại Ủy ban nhân dân xã QS, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010, chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Malaixia. Từ năm 2013 đến nay, anh H không liên lạc được với chị H1. Nay, anh H không còn tình cảm vợ chồng với chị H1, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H cho anh Lê Quang H được ly hôn chị Lê Thị H1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Quang D, sinh ngày 06/9/1995 và Lê Quang M, sinh ngày 16/8/1997; cả hai con đều đã có gia đình riêng và hộ khẩu riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quang H và chị Lê Thị H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông H, bà H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Quang H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 207; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang H được ly hôn chị Lê Thị H1.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quang H và chị Lê Thị H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H, chị H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Lê Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Lê Quang H đã nộp tại Cục thi hành án dân

sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012308 ngày 22/11/2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn